Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 2 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 1 – Nhóm HP 23400814 Số tín chỉ: 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2123170169	Nguyễn Tấn	Bảo	17/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	10.0	7.0	10.0	9.3	
2	2123170152	Lê	Cương	06/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	10.0	7.0	9.0	8.8	
3	2123170189	Đỗ Nguyễn Thế	Cường	06/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghỉ
4	2123170158	Lê Khả	Đạt	29/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	8.0	6.5	
5	2123170174	Nguyễn Công	Đạt	25/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	10.0	5.0	6.0	6.8	
6	2123170208	Nguyễn Minh	Đạt	31/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	8.0	5.0	7.0	6.8	
7	2123170167	Lê Nguyễn Anh	Đợi	24/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghỉ
8	2123170203	Nguyễn	Đông	11/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	10.0	7.0	8.0	8.3	
9	2123170185	Phan Hoàng Tuấn	Duy	22/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5.0	5.0	
10	2123170163	Bùi Hoàng	Hảo	04/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	5.0	5.0	
11	2122170361	Nguyễn Trung	Hiếu	16/03/2004	Công nghệ chế tạo máy B	5.0	5.0	5.0	5.0	
12	2123170160	Lê Thanh	Hòa	26/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghỉ
13	2123170196	Trần Xuân	Hùng	24/09/2003	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	6.0	5.5	
14	2123170191	Nguyễn Hải	Hưng	25/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	7.0	7.0	6.5	
15	2123170199	Nguyễn Văn	Hưng	06/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	7.0	7.0	6.5	
16	2123170156	Võ Văn	Hưng	15/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghỉ
17	2123170193	Đặng Đức	Huy	02/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	10.0	7.0	10.0	9.3	
18	2123170179	Kiều Tuấn	Huy	11/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	10.0	6.0	9.0	8.5	
19	2123170204	Nguyễn Thanh	Huy	26/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	6.0	5.5	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
20	2123170146	Trần Trung	Huy	28/03/2003	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghỉ
21	2123110188	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	17/10/2005	Công nghệ thông tin F	10.0	5.0	10.0	8.8	
22	2123110199	Nguyễn Thị Thu	Huyền	09/01/2005	Công nghệ thông tin F	10.0	5.0	5.0	6.3	
23	2123170157	Phan	Huynh	27/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	10.0	7.0	9.0	8.8	
24	2123170202	Nguyễn Duy	Khang	30/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	6.0	5.5	
25	2123170172	Bùi Anh	Khoa	27/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	10.0	5.0	5.0	6.3	
26	2123170159	Nguyễn Đăng	Khoa	01/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghỉ
27	2123170195	Nguyễn Đăng	Khoa	14/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5.0	5.0	
28	2123170141	Bùi Anh	Khôi	21/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghỉ
29	2123170147	Nguyễn Trung	Kiên	15/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	8.0	5.0	6.0	6.3	
30	2123110201	Lê Trương Anh	Kiệt	19/08/2005	Công nghệ thông tin F	8.0	5.0	8.0	7.3	
31	2123170200	Phan Chí	Kiệt	19/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	10.0	9.0	10.0	9.8	
32	2123170173	Trương Tuấn	Kiệt	14/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghỉ
33	2122210060	Nguyễn Văn	Lập	01/10/2003	Công nghệ thực phẩm B	5.0	5.0	5.0	5.0	
34	2123170184	Ngô Quang	Linh	03/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	10.0	10.0	9.0	9.5	
35	2123170154	Nguyễn Đức	Lương	18/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghỉ
36	2123170197	Ngô Đăng	Mạnh	26/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	6.0	5.0	5.3	
37	2123170187	Lê Nhật	Nam	07/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5.0	5.0	
38	2123170153	Nguyễn Thọ	Nam	28/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghỉ
39	2123170168	Nguyễn Duy	Nguyên	22/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	10.0	5.0	6.3	
40	2123110195	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyên	12/01/2003	Công nghệ thông tin F	10.0	5.0	5.0	6.3	
41	2123170161	Bùi Văn Tấn	Phát	10/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	8.0	5.0	8.0	7.3	
42	2123170150	Phạm Quốc	Phát	10/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	6.0	5.5	
43	2123170207	Trần Quốc	Phong	23/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	8.0	6.5	
44	2123170151	Võ Văn	Phong	25/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	8.0	7.0	5.0	6.3	
45	2123170192	Nguyễn Phong	Phú	28/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5.0	5.0	
46	2123170142	Phạm Trọng	Phúc	18/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	10.0	7.0	7.0	7.8	
47	2123170162	Trần Huy	Phúc	19/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	10.0	7.0	7.0	7.8	
48	2123170180	Võ Ngọc	Phúc	25/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	8.0	5.0	5.0	5.8	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú
49	2123170182	Lê Văn	Quý	03/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	6.0	5.0	5.0	5.3	
50	2123170148	Võ Phi	Sơn	13/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	5.0	5.0	
51	2123170188	Lê Chí	Tài	06/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	10.0	5.0	5.0	6.3	
52	2123170144	Nguyễn Thiện	Tâm	27/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	8.0	5.0	5.0	5.8	
53	2123170206	Nguyễn Quang	Tân	08/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	10.0	5.0	8.0	7.8	
54	2123170155	Đặng Tấn	Thanh	02/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
55	2123170201	Võ Duy	Thanh	16/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5.0	5.0	
56	2123170190	Dương Nguyễn Hoàng	Thi	09/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5.0	5.0	
57	2123170186	Trần Phan Minh	Thiên	15/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	8.0	6.5	
58	2123170205	Lê Hưng	Thịnh	31/10/2005	Công nghệ KT cơ điện tử A	10.0	7.0	9.0	8.8	
59	2123170165	Nguyễn Công	Thịnh	27/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	8.0	6.5	
60	2123170178	Trần Tấn	Tín	03/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	8.0	7.0	9.0	8.3	
61	2123170145	Mai Ngọc	Tính	03/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	5.0	5.0	
62	2123170143	Ngô Quang	Tình	17/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	10.0	7.0	9.0	8.8	
63	2123170649	Nguyễn Minh	Toàn	12/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
64	2123170175	Nguyễn Thanh	Toàn	01/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	5.0	5.0	
65	2123170198	Đinh Văn	Trí	03/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5.0	5.0	
66	2123170194	Nguyễn Nhật	Trí	12/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	0.0	0.0	0.0	0.0	Nghĩ
67	2123170149	Nguyễn Thành	Trung	30/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	5.0	5.0	
68	2123170171	Lý Xuân	Trường	01/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	5.0	5.0	
69	2122110225	Trương Minh	Tuấn	09/07/2004	Công nghệ thông tin F	5.0	5.0	5.0	5.0	
70	2123170164	Lê Minh	Tường	10/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	6.0	5.0	5.0	5.3	
71	2123170166	Võ Duy Hàn	Vịnh	11/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	10.0	5.0	5.0	6.3	
72	2123170181	Trần Nguyên	Vũ	04/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	8.0	5.0	5.0	5.8	

TP. HCM, Ngày 26 tháng 4 năm 2024

Giảng viên

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP.1	BP.2	BP.3	Điểm quá trình	Ghi chú

Nguyễn Thanh Bình

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: 2 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 1 – Nhóm HP 23400814 Số tín chỉ: 02
CBGD: Nguyễn Thanh Bình

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
1	2123170169	Nguyễn Tấn	Bảo	17/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	9.3	8.0	8,50	
2	2123170152	Lê	Cương	06/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	8.8	6.0	7,10	
3	2123170189	Đỗ Nguyễn Thế	Cường	06/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
4	2123170158	Lê Khả	Đạt	29/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	6.5	8.0	7,40	
5	2123170174	Nguyễn Công	Đạt	25/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	6.8	5.0	5,70	
6	2123170208	Nguyễn Minh	Đạt	31/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	6.8	5.0	5,70	
7	2123170167	Lê Nguyễn Anh	Đợi	24/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
8	2123170203	Nguyễn	Đông	11/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	8.3	6.0	6,90	
9	2123170185	Phan Hoàng Tuấn	Duy	22/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5,00	
10	2123170163	Bùi Hoàng	Hảo	04/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	5,00	
11	2122170361	Nguyễn Trung	Hiếu	16/03/2004	Công nghệ chế tạo máy B	5.0	5.0	5,00	
12	2123170160	Lê Thanh	Hòa	26/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
13	2123170196	Trần Xuân	Hùng	24/09/2003	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.5	5.0	5,20	
14	2123170191	Nguyễn Hải	Hưng	25/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	6.5	8.0	7,40	
15	2123170199	Nguyễn Văn	Hưng	06/06/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	6.5	10.0	8,60	
16	2123170156	Võ Văn	Hưng	15/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
17	2123170193	Đặng Đức	Huy	02/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	9.3	6.0	7,30	
18	2123170179	Kiều Tuấn	Huy	11/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	8.5	5.0	6,40	
19	2123170204	Nguyễn Thanh	Huy	26/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.5	8.0	7,00	
20	2123170146	Trần Trung	Huy	28/03/2003	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0,00	Nghỉ

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
21	2123110188	Nguyễn Ngọc Khánh	Huyền	17/10/2005	Công nghệ thông tin F	8.8	6.0	7,10	
22	2123110199	Nguyễn Thị Thu	Huyền	09/01/2005	Công nghệ thông tin F	6.3	6.0	6,10	
23	2123170157	Phan	Huynh	27/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	8.8	5.0	6,50	
24	2123170202	Nguyễn Duy	Khang	30/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.5	8.0	7,00	
25	2123170172	Bùi Anh	Khoa	27/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	6.3	5.0	5,50	
26	2123170159	Nguyễn Đăng	Khoa	01/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
27	2123170195	Nguyễn Đăng	Khoa	14/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5,00	
28	2123170141	Bùi Anh	Khôi	21/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
29	2123170147	Nguyễn Trung	Kiên	15/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	6.3	6.0	6,10	
30	2123110201	Lê Trương Anh	Kiệt	19/08/2005	Công nghệ thông tin F	7.3	6.0	6,50	
31	2123170200	Phan Chí	Kiệt	19/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	9.8	8.0	8,70	
32	2123170173	Trương Tuấn	Kiệt	14/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
33	2122210060	Nguyễn Văn	Lập	01/10/2003	Công nghệ thực phẩm B	5.0	8.0	6,80	
34	2123170184	Ngô Quang	Linh	03/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	9.5	8.0	8,60	
35	2123170154	Nguyễn Đức	Lương	18/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
36	2123170197	Ngô Đăng	Mạnh	26/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.3	6.0	5,70	
37	2123170187	Lê Nhật	Nam	07/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5,00	
38	2123170153	Nguyễn Thọ	Nam	28/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
39	2123170168	Nguyễn Duy	Nguyên	22/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	6.3	8.0	7,30	
40	2123110195	Nguyễn Thị Mỹ	Nguyên	12/01/2003	Công nghệ thông tin F	6.3	6.0	6,10	
41	2123170161	Bùi Văn Tấn	Phát	10/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	7.3	6.0	6,50	
42	2123170150	Phạm Quốc	Phát	10/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.5	5.0	5,20	
43	2123170207	Trần Quốc	Phong	23/11/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	6.5	10.0	8,60	
44	2123170151	Võ Văn	Phong	25/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	6.3	8.0	7,30	
45	2123170192	Nguyễn Phong	Phú	28/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5,00	
46	2123170142	Phạm Trọng	Phúc	18/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	7.8	6.0	6,70	
47	2123170162	Trần Huy	Phúc	19/03/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	7.8	5.0	6,10	
48	2123170180	Võ Ngọc	Phúc	25/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.8	8.0	7,10	
49	2123170182	Lê Văn	Quý	03/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.3	5.0	5,10	

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú
50	2123170148	Võ Phi	Sơn	13/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	8.0	6,80	
51	2123170188	Lê Chí	Tài	06/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	6.3	8.0	7,30	
52	2123170144	Nguyễn Thiện	Tâm	27/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.8	5.0	5,30	
53	2123170206	Nguyễn Quang	Tân	08/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	7.8	5.0	6,10	
54	2123170155	Đặng Tấn	Thanh	02/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
55	2123170201	Võ Duy	Thanh	16/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	8.0	6,80	
56	2123170190	Dương Nguyễn Hoàng	Thi	09/04/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	8.0	6,80	
57	2123170186	Trần Phan Minh	Thiên	15/10/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	6.5	6.0	6,20	
58	2123170205	Lê Hưng	Thịnh	31/10/2005	Công nghệ KT cơ điện tử A	8.8	8.0	8,30	
59	2123170165	Nguyễn Công	Thịnh	27/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	6.5	5.0	5,60	
60	2123170178	Trần Tấn	Tín	03/09/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	8.3	5.0	6,30	
61	2123170145	Mai Ngọc	Tính	03/02/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	6.0	5,60	
62	2123170143	Ngô Quang	Tình	17/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	8.8	6.0	7,10	
63	2123170649	Nguyễn Minh	Toàn	12/01/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
64	2123170175	Nguyễn Thanh	Toàn	01/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	5,00	
65	2123170198	Đinh Văn	Trí	03/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.0	5.0	5,00	
66	2123170194	Nguyễn Nhật	Trí	12/02/2004	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	0.0	0.0	0,00	Nghỉ
67	2123170149	Nguyễn Thành	Trung	30/08/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	5.0	5,00	
68	2123170171	Lý Xuân	Trường	01/12/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.0	6.0	5,60	
69	2122110225	Trương Minh	Tuấn	09/07/2004	Công nghệ thông tin F	5.0	5.0	5,00	
70	2123170164	Lê Minh	Tường	10/07/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	5.3	5.0	5,10	
71	2123170166	Võ Duy Hàn	Vịnh	11/05/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô E	6.3	5.0	5,50	
72	2123170181	Trần Nguyên	Vũ	04/04/2005	Công nghệ kỹ thuật ô tô F	5.8	5.0	5,30	

TP. HCM, Ngày 26 tháng 4 năm 2024

Giảng viên

STT	Mã HS, SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm học phần	Ghi chú

Nguyễn Thanh Bình